|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ** **VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**--------------------------------**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU** (Báo cáo số: 314/2014) |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2014* |

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ ĐỀ XUẤT**

**GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG, XỬ LÝ NỢ XẤU**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang diễn biến phức tạp, nền kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với những khó khăn: sức mua trên thị trường thấp, khả năng hấp thụ vốn thấp, sức ép nợ xấu còn nặng nề… những nhân tố đó đã ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng tín dụng của Việt Nam, đặc biệt là từ năm 2012 đến nay. Do đó, hiện nay Chính phủ đã và đang tích cực chỉ đạo NHNN và các bộ ngành triển khai đồng bộ, quyết liệt những giải pháp nhằm mở rộng tín dụng gắn với kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung xử lý nợ xấu… Báo cáo sau đây đưa ra đánh giá về thực trạng hoạt động tín dụng ngành ngân hàng thời gian qua, đề xuất giải pháp cho giai đoạn tới giúp khơi thông dòng vốn tín dụng, xử lý nợ xấu, từ đó góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Các nội dung cơ bản của báo cáo gồm: *(i) Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với các nền kinh tế; (ii) Môi trường kinh tế ảnh hưởng đến doanh nghiệp và tín dụng ngân hàng; (iii) Các giải pháp của Chính Phủ, NHNN thời gian qua; (iv) Đánh giá hoạt động tín dụng ngân hàng thời gian qua; (v) Kiến nghị, đề xuất.*

1. **Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với các nền kinh tế**

Ngân hàng thương mại (NHTM) có vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính của quốc gia, giúp nền kinh tế huy động, phân bổ nguồn vốn hiệu quả với chi phí thấp. Tại Việt Nam, trong điều kiện thị trường vốn mới hình thành, cơ sở pháp lý và công cụ của thị trường còn chưa đầy đủ thì nhu cầu vốn của nền kinh tế được đáp ứng chủ yếu thông qua hệ thống NHTM. Điều này có thể thấy qua so sánh quy mô thị trường tín dụng ngân hàng lớn hơn rất nhiều so với thị trường chứng khoán và trái phiếu doanh nghiệp thể hiện ở tỷ lệ dư nợ tín dụng/GDP năm 2013 ở mức 97% GDP trong khi số liệu cập nhật tỷ lệ vốn hóa thị trường chứng khoán và trái phiếu doanh nghiệp năm 2011 ở mức 9,26% GDP.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tăng trưởng tín dụng so với GDP** | **Tín dụng cho khu vực tư nhân/GDP (%, 2013)** |
|  |  |
| *Nguồn: NHNN, Tổng cục thống kê* | *Nguồn: Worldbank, 2013 (đối với 1 số nước, gồm cả VN, bao gồm cả tín dụng doanh nghiệp)* |

Bên cạnh đó trong so sánh với các khu vực khác trên thế giới cho thấy, nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào vốn ngân hàng cao hơn nhiều so với các nước trong nhóm thu nhập thấp, thu nhập trung bình thấp. Do đó, sự an toàn và hiệu quả của hệ thống tín dụng có vai trò quan trọng trong việc tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng tín dụng cũng là chỉ báo quan trọng cho tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

1. **Môi trường kinh tế ảnh hưởng đến doanh nghiệp và tín dụng NH**
	1. ***Giai đoạn trước 2011***

Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ năm 2008 và khủng hoảng nợ công châu Âu vào cuối năm 2010 đã có tác động sâu rộng phạm vi toàn cầu, đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng ảm đạm với sự tăng trưởng chậm chạp, thâm hụt ngân sách cao, tỷ lệ thất nghiệp cao tại nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, những bất ổn chính trị tại châu Phi, Trung Đông cùng với thiên tai, dịch bệnh, thời tiết thất thường cũng đẩy giá hàng hóa như dầu mỏ, lương thực tăng cao khiến lạm phát tăng và là vấn đề lo ngại của hầu hết các nước. Trong vòng xoáy khủng hoảng, nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề. Tăng trưởng GDP đã giảm mạnh từ mức trên 8% thời kỳ 2005-2007 xuống mức 5,3-6,3% giai đoạn sau. Để đối phó, Chính Phủ sử dụng các gói kích thích kinh tế thông qua chính sách cả chính sách tài khóa và tiền tệ, trong đó chính sách tiền tệ được sử dụng nhiều hơn. Theo đó tăng trưởng tín dụng giai đoạn này cũng rất cao, trung bình là 35,3% giai đoạn 2005-2011. Mức tăng trưởng tín dụng quá nóng đem lại nguy cơ về rủi ro tín dụng, trong khi

* 1. ***Giai đoạn từ 2011 đến nay***

Từ 2011-2013, tình trạng tăng trưởng chậm chạp của các nền kinh tế lớn vẫn tiếp tục diễn ra trong khi hệ quả của việc sử dụng các gói kích thích kinh tế đang ngày càng lớn. Từ cuối năm 2013 đến nay, kinh tế thế giới bắt đầu hồi phục chậm nhưng vững chắc hơn. Tại Việt Nam, nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, Chính phủ đã có chủ trương sử dụng chính sách tiền tệ, tài khóa thắt chặt (đưa ra hạn mức tăng trưởng tín dụng, tăng các lãi suất điều hành, cắt giảm chi tiêu công, tái cơ cấu nền kinh tế…). Chính sách này đã giúp cải thiện tình hình vĩ mô nhưng cũng đã có ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động liên tục tăng (nếu như năm 2012 số lượng doanh nghiệp giải thể ngừng hoạt động là 54.000 thì sang năm 2013 con số này lên tới 61.000 và 8 tháng đầu năm 2014 là 44.500 doanh nghiệp), tổng cầu suy yếu cùng với chi phí sản xuất cao khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Những khó khăn của doanh nghiệp kéo theo hàng loạt vấn đề của hệ thống ngân hàng như nợ xấu tăng, dòng vốn tín dụng tắc nghẽn.

Trước tình hình đó, Quốc hội và Chính phủ đã đặt ra chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tập trung vào 3 lĩnh vực ưu tiên: tái cơ cấu đầu tư công, các tổ chức tín dụng và các Tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Đến nay, Việt Nam về cơ bản đã đạt được mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô: kiểm soát lạm phát, tăng trưởng hợp lý, thanh khoản hệ thống ngân hàng đảm bảo, thị trường tiền tệ ổn định. Tuy nhiên, quá trình tái cơ cấu nền kinh tế trong đó có tái cơ cấu hệ thống TCTD vẫn còn chậm mà một trong những vấn đề nổi cộm đó là tăng trưởng tín dụng thấp và tình trạng nợ xấu chưa được giải quyết.

1. **Các giải pháp của Chính Phủ, NHNN thời gian qua**
	1. ***Định hướng chung của Chính Phủ và NHNN***

Ngay từ đầu năm 2011, trước diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới cũng như trong nước, Chính Phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP, theo đó, NHNN cũng ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Từ đầu năm 2012 đến nay, Chính Phủ và NHNN tiếp tục ban hành các Nghị quyết 01/NQ-CP và Chỉ thị 01/CT-NHNN với định hướng mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát: *(i) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt* phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đảm bảo thanh khoản của các TCTD và nền kinh tế. *(ii)* *Triển khai đồng bộ các giải pháp hoàn thiện thể chế, tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tái cơ cấu nền kinh tế* bao gồm tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu hệ thống TCTD và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước;…

* 1. ***Những biện pháp cụ thể của Chính Phủ và NHNN nhằm thúc đẩy tín dụng, xử lý nợ xấu***

Trong thời gian qua, Chính Phủ đã tích cực chỉ đạo NHNN và các bộ ngành triển khai đồng bộ, quyết liệt những giải pháp nhằm mở rộng tín dụng gắn với kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung xử lý nợ xấu, những giải pháp mà không phải quốc gia nào cũng làm được:

* *Xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi*: Ngay từ đầu năm 2012 NHNN đã chỉ đạo các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vốn vay, xem xét cho vay mới đối với các nhu cầu vốn vay có hiệu quả và đảm bảo khả năng trả nợ (QĐ 780/QĐ-NHNN ngày 23/4/2012, Công văn 7558/NHNN-TD ngày 14/10/2013, Chỉ thị 04/CT-NHNN ngày 17/09/2013). Năm 2014, NHNN tiếp tục cho phép các TCTD được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ của doanh nghiệp đồng thời xem xét cho vay mới (TT 09/2014/TT-NHNN).
* *Giảm mặt bằng lãi suất*: các mức lãi suất điều hành, lãi suất huy động tiếp tục được điều chỉnh giảm làm cơ sở để các TCTD điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, kể từ 13/3/2012 đến nay đã có 9 lần NHNN thực hiện điều chỉnh giảm lãi suất.
* *Xử lý nợ xấu*: Trong tình trạng nợ xấu tăng cao ảnh hưởng xấu đến tín dụng của hệ thống ngân hàng, ngày 23/8/2013, Quyết định số 1085/QĐ-NHNN của NHNN được ban hành cụ thể Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án “Xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng” và Đề án “Thành lập Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam” (VAMC) ban hành kèm theo Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 31/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, TCTD phải đôn đốc thu hồi nợ, bán và phát mại các tài sản đảm bảo, sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu theo pháp luật. Đối với những khoản nợ không tự xử lý được, các TCTD sẽ bán cho VAMC và nhận về trái phiếu đặc biệt được chiết khấu tại NHNN với lãi suất và tỷ lệ chiết khấu lại do NHNN quyết định.
* *Đưa ra các gói, chương trình tín dụng* để hỗ trợ cho các lĩnh vực, các ngành kinh tế có ảnh hưởng đến việc phát triển bền vững và bảo đảm an sinh xã hội như gói cho vay nhà ở xã hội 30.000 tỷ đồng (Chính Phủ đã ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 02/2013/NQ-CP trong đó nâng thời hạn cho vay lên tối đa 15 năm, bổ sung nhiều nhóm đối tượng được vay vốn), gói sản phẩm tín dụng liên kết 4 nhà trong lĩnh vực bất động sản theo văn bản số 3128/NHNN-TD, gói hỗ trợ nông nghiệp với chương trình thu mua tạm trữ lúa gạo (15/03/2014), gói 8.000 tỷđ cho vay mua tạm trữ lúa gạo vụ Đông Xuân,...
* *Định hướng tăng trưởng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên; các* *ngành, lĩnh vực có tầm chiến lược và quan trọng của đất nước* như: khung chính sách tín dụng đặc thù cho sản xuất lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi gia súc, nhà ở cho người nghèo, góp phần tăng trưởng kinh tế nông nghiệp. Ngoài ra, chính sách tín dụng của NHNN đã hướng rất mạnh vào lĩnh vực xuất khẩu, cho vay công nghiệp phụ trợ nhằm hỗ trợ mạnh cho thu hút doanh nghiệp lớn từ FDI, cho vay doanh nhỏ và vừa; năm lĩnh vực ưu tiên, nông nghiệp, nông thôn, xuất nhập khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ có mức trần lãi suất ưu tiên thấp. Đặc biệt, Chính Phủ, NHNN cũng đưa ra một loạt chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, bao gồm chính sách cho vay tái canh cây cà phê, chính sách tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nông dân, phát triển sản xuất nông nghiệp khu vực đồng bằng sông Cửu Long; triển khai chương trình thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn theo mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất nông nghiệp, các mô hình sản xuất áp dụng kỹ thuật và công nghệ cao, các mô hình sản xuất nông sản xuất khẩu...
* *NHNN phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố thực hiện các chương trình kết nối giữa ngân hàng và doanh nghiệp*, đối thoại trực tiếp để hiểu rõ hơn nhu cầu, nguyện vọng cũng như những khó khăn của các doanh nghiệp để đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn phù hợp như: cho vay mới lãi suất thấp, giảm lãi suất các khoản vay cũ, điều chỉnh tăng hạn mức cho vay, khuyến khích cho vay tín chấp trên cơ sở đánh giá tín nhiệm của khách hàng; chính sách khuyến khích các NHTM cho vay “không có tài sản đảm bảo” (văn bản số 5342/NHNN-TTGSNH)…
* *Một số biện pháp khác*: Gia hạn thêm 01 năm (đến 31/12/2014) cho một số đối tượng được vay ngoại tệ phục vụ cho một số lĩnh vực thiết yếu, các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ (TT 29/2013/TT-NHNN); Điều chỉnh tỷ giá VND/USD tăng 1% để hỗ trợ xuất khẩu…

**Đánh giá về chính sách tiền tệ của Việt Nam, trong phát biểu của** kinh tế trưởng WB tại Việt Nam vào tháng 7/2014 đã ghi nhậc thị trường tiền tệ Việt Nam trong 2 năm vừa qua đã cải thiện nhiều và chính sách tiền tệ hiện nay phù hợp với mục tiêu kiềm chế lạm phát của NHNN trong thời gian gần đây. Giám đốc WB Việt Nam Victoria Kwakwa cũng cho rằng ***chính sách tiền tệ của Việt Nam nhìn chung đi đúng hướng***. Về vấn đề nợ xấu, WB đánh giá rằng các biện pháp này đã đi đúng hướng, giúp các ngân hàng sẵn sàng mở rộng cho vay. Các chuyên gia của IMF cũng đánh giá các thành tựu ổn định kinh tế vĩ mô gần đây của Việt Nam rất đáng khen ngợi và nhất trí rằng ***chính sách tiền tệ nới lỏng hiện nay là thích hợp*** khi chưa có áp lực về lạm phát. Trong trung hạn, việc thực hiện chính sách lạm phát mục tiêu sẽ tạo điều kiện cho chính sách tiền tệ linh hoạt hơn và sẽ giúp Việt Nam ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát trước các cú sốc bên ngoài.

1. **Đánh giá hoạt động tín dụng ngân hàng thời gian qua**

**4.1. Các kết quả đạt được**

* ***Tín dụng ngân hàng đã hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế***: Giai đoạn 2011 trở về trước, mặc dù tín dụng tăng trưởng mạnh song GDP cũng chỉ xoay quanh mức 6%. Trong khi đó, từ năm 2012 tới nay, tín dụng tăng trưởng thấp hơn hẳn giai đoạn trước và GDP cũng giảm thấp nhưng vẫn ở mức trên 5%, điều đó cho thấy nguồn vốn tín dụng đã được đầu tư đúng hướng hơn, phục vụ tốt hơn cho mục tiêu phát triển. Trong thời gian qua, tỷ lệ Dư nợ/GDP luôn ở mức cao (>95%) cho thấy tín dụng đã, đang và sẽ luôn là kênh chủ đạo cung ứng vốn cho nền kinh tế, góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP của cả nước.

**Bảng: Tăng trưởng tín dụng giai đoạn vừa qua**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **%** | **2008** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **9/2014** |
| Tăng trưởng tín dụng  | 25,43 | 39,57 | 32,43 | 14,31 | 8,91 | 12,52 | 7,26 |
| GDP  | 6,23 | 5,32 | 6,78 | 5,89 | 5,03 | 5,42 | 5,62 |
| CPI | 19,89 | 6,52 | 11,75 | 18,13 | 6,81 | 6,04 | 2,25 |

*Nguồn: TCTK, NHNN*

* ***Mặt bằng lãi suất giảm mạnh so với cuối năm 2011****:* Thời gian qua, ngành Ngân hàng đã thực hiện nhiều giải pháp lãi suất, tín dụng để giảm mặt bằng lãi suất, hỗ trợ giảm chi phí vay vốn cho doanh nghiệp và người dân. Kết quả, mặt bằng lãi suất từ mức 17-18% thời điểm cuối năm 2011 đến nay đã giảm mạnh về ngang với mức lãi suất của giai đoạn 2005 – 2006 và thấp hơn một nửa mức lãi suất cuối năm 2011. ***Lãi suất cho vay không còn là trở ngại để các doanh nghiệp tiếp cận vốn.*** Đến nay, mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND đối với 05 lĩnh vực ưu tiên phổ biến ở mức 7-8%/năm, đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường, lãi suất cho vay ngắn hạn đang dao động ở mức 9-10%/năm, lãi suất cho vay trung và dài hạn chỉ còn 10,5-12%/năm, giảm mạnh từ 13-15%/năm vào cuối năm 2013.

Lãi suất của các khoản vay cũ tiếp tục được các TCTD tích cực điều chỉnh giảm; đến nay dư nợ cho vay bằng VND có lãi suất trên 15%/năm chiếm 4,25% tổng dư nợ cho vay VND, giảm so với tỷ trọng 6,3% cuối năm 2013; dư nợ có lãi suất trên 13%/năm chiếm 12,16% tổng dư nợ cho vay bằng VND, giảm so với tỷ trọng 19,72% cuối năm 2013.

 - ***Cơ cấu tín dụng theo ngành nghề chuyển dịch tích cực theo mục tiêu của Chính phủ, NHNN:*** *Cơ cấu tín dụng theo ngành nghề* chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng nhóm ngành nông lâm ngư nghiệp (từ 9% năm 2011 lên 11% tại tháng 6/2014), giảm tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp, xây dựng và đặc biệt là nhóm ngành thương mại, vận tải, viễn thông có tỷ trọng giảm mạnh nhất (từ 27% năm 2011 giảm còn 22% tại tháng 6/2014), xu hướng chuyển dịch này phù hợp với chủ trương của Chính phủ, NHNN về việc đẩy mạnh cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tính đến hết tháng 8/2014, tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên hầu hết có mức tăng trưởng cao hơn tăng trưởng tín dụng chung (dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn ↑6,1%; cho vay xuất khẩu ↑4,37%; cho vay DN ứng dụng CN cao: ↑12,73%; cho vay công nghiệp hỗ trợ ↑6,12%).

**4.2. Những tồn tại hạn chế**

***4.2.1. Tốc độ tăng trưởng tín dụng còn thấp***

*Diễn biến tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2012 – nay:* Sau giai đoạn tăng trưởng nóng, cùng với những khó khăn của môi trường kinh tế, tín dụng ngân hàng từ năm 2011 đã chững lại, đặc biệt từ năm 2012, mức tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 8,91%, không hoàn thành mục tiêu đề ra từ đầu năm (15 – 17%). Sang năm 2013, với sự nỗ lực của toàn ngành, đặc biệt trong giai đoạn nước rút cuối năm, tăng trưởng tín dụng mặc dù đạt mức khiêm tốn (12,52%), song đã tăng 3,61% so với năm trước, hoàn thành mục tiêu của năm 2013 (12%). Đến nay, qua 3 quý đầu năm 2014, *tính đến hết tháng 9, tín dụng tăng 7,26%*, dù vẫn còn thấp song khoảng cách đến mục tiêu 12-14% đã được rút ngắn...

*Nguyên nhân tín dụng tăng trưởng thấp:*

1. *Khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế thấp:* nguyên nhân cốt lõi khiến tín dụng tăng chậm là do sức cầu yếu và khả năng hấp thụ vốn nền kinh tế suy giảm. Điều này có nguyên nhân từ:

+ *Hàng tồn kho chưa giảm*: Tháng 9/2014, chỉ số tồn kho công nghiệp chế biến ở mức 11,6%, tăng nhanh hơn mức 9,3% cùng kỳ 2013, trong khi tốc độ tiêu thụ lại chỉ tăng 8,9% cho thấy DN vẫn gặp nhiều khó khăn cho sản phẩm đầu ra

*+Tiêu dùng và sản xuất phục hồi chậm:* tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2014 là 12% (cùng kỳ năm 2013 là 12,5%), là mức tăng chậm nhất trong vòng 5 năm gần đây (bình quân ~20%). Các chỉ số IIP và PMI tuy có cải thiện nhưng ở mức thấp so với các giai đoạn trước và thấp hơn so với tốc độ tăng tín dụng (chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) chung cũng như của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo liên tục tăng kể từ tháng 7/2013 (ngoại từ tháng 1/2014 do yếu tố mùa vụ);chỉ số PMI liên tục trên 50 điểm kể từ tháng 9/2013). Như vậy, *tổng cầu mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn thấp*, thể hiện rõ ở việc lạm phát cơ bản thấp. Bên cạnh đó, DN vẫn gặp nhiều khó khăn, nhất là trong khâu tiêu thụ sản phẩm. Trước bối cảnh này, các doanh nghiệp lại càng trở nên thận trọng trong việc vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh.

*+ Các DN vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động* thể hiện qua số DN giải thể, phá sản tăng. Cụ thể số doanh nghiệp giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động trong 9 tháng đầu năm vẫn tăng 13,8% so cùng kỳ 2013.

***Theo một khảo sát của Tổng cục Thống kê năm 2014, có tới 50,5% doanh nghiệp không muốn vay vốn từ ngân hàng do không có nhu cầu, không đủ tài sản thế chấp hoặc doanh nghiệp có thể vay từ nguồn vốn khác…***

*(ii) Thị trường bất động sản phục hồi chậm:* Từ năm 2012, những khó khăn của thị trường bất động sản (BĐS) ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng tín dụng ngân hàng. Đến nay, tuy thị trường BĐS đã có một số dấu hiệu hồi phục nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết về khuôn khổ pháp lý, công tác quy hoạch và quản lý thị trường, giá bất động sản… để có thể hỗ trợ tăng trưởng tín dụng.

Việc đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đối với lĩnh vực này hiện nay còn nhiều bất cập: (i) Nhiều TCTD vẫn cẩn trọng với việc tăng trưởng tín dụng trong lĩnh vực BĐS do đây vẫn là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro (hiện nay hệ số rủi ro đối với tín dụng BĐS là 250%); (ii) Gói tín dụng nhà ở 30.000 tỷ đồng gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai do đây là chính sách mới, lần đầu triển khai nên không tránh khỏi những khó khăn vướng mắc; (iii) Tín dụng bán lẻ trong lĩnh vực BĐS khó có thể tăng trưởng mạnh do sản phẩm vẫn tập trung ở phân khúc cao cấp trong khi các sản phẩm phù hợp với thu nhập của đa số người dân rất hạn chế.

Thị trường BĐS khó khăn còn gây hạn chế trong việc xử lý tài sản đảm bảo, xử lý nợ xấu, ảnh hưởng đến khả năng vay vốn của khách hàng khi dùng BĐS làm tài sản đảm bảo (do giá trị BĐS giảm thì số tiền được vay cũng giảm đi), cũng là một trong những nguyên nhân cản trở tăng trưởng tín dụng.

1. *Các chính sách tín dụng đòi hỏi độ trễ để phát huy tác dụng*: Trong thời gian qua, các chính sách kích cầu đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa như kỳ vọng bởi các chính sách thường đòi hỏi thời gian, độ trễ để phát huy tác dụng cũng như kiểm chứng về hiệu quả, một số gói/chương trình tín dụng tiêu biểu như:
* Gói tín dụng 30.000 tỷ đồng: theo kế hoạch 2014, gói hỗ trợ này sẽ phải giải ngân 50 – 60% nhưng đến nay mới chỉ giải ngân được 14,2%. Một số nguyên nhân chính dẫn tới giải ngân chậm trong thời gian qua: *(i) Nguồn cung nhà ở xã hội và nhà ở thương mại còn thiếu; (ii) Còn nhiều thủ tục vướng mắc khi các địa phương xác nhận tình trạng nhà ở; (iii) Các quy định còn tương đối “cứng” về diện tích căn hộ, giá mua; (iv) Các quy định liên quan đến việc sử dụng chính căn nhà mua làm tài sản thế chấp cho khoản vay còn bất cập…*
* Chương trình liên kết 4 nhà: được xem là một giải pháp thiết thực của NHNN được đúc kết từ thực tiễn của thị trường. Hiện nay, gói sản phẩm này đang được triển khai thí điểm (tới nay có 8 ngân hàng hợp tác với số tiền hỗ trợ tín dụng 6.149 tỷ).

***4.2.2. Tình trạng nợ xấu vẫn là vấn đề lớn của nền kinh tế:***

*Thực trạng nợ xấu:* Mặc dù đã được triển khai quyết liệt song nợ xấu vẫn là một thách thức lớn đối với toàn ngành. Từ đầu năm 2014 đến nay, nợ xấu đang có xu hướng tăng, cụ thể sau khi giảm rất mạnh từ 4,55% tháng 11/2013 xuống chỉ còn 3,61% tháng 12/2013, nợ xấu của hệ thống ngân hàng đã liên tiếp tăng: tháng 1/2014, nợ xấu tăng trở lại, lên mức 3,74%, các tháng tiếp theo liên tục tăng và đến tháng 6/2014 lên tới 4,17% (nếu tính cả nợ đã cơ cấu là 8,2%), dấu hiệu tích cực đó là đến tháng 7 nợ xấu giảm nhẹ còn 4,11%.

*Nguyên nhân của tình trạng nợ xấu:*

*(i) Môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn:*Do môi trường kinh doanh và hoạt động của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn dẫn đến mất khả năng trả nợ và nợ xấu tăng. Nhiều doanh nghiệp hiện nay có năng lực tài chính yếu, chủ yếu dựa vào vốn vay ngân hàng, vốn chủ sở hữu nhỏ và khả năng ứng phó với sự thay đổi môi trường kinh doanh hạn chế. Vì vậy, khi môi trường kinh doanh xấu đi thì các doanh nghiệp dễ gặp khó khăn về khả năng trả nợ.

*(ii) Sự phát triển “nóng” của hệ thống NHTM* cũng là một nguyên nhân gia tăng nợ xấu (cả nước có khoảng 100 ngân hàng). Một số ngân hàng nhỏ, năng lực quản trị tín dụng yếu kém đã tìm mọi cách tăng vốn huy động, thúc đẩy tín dụng bằng cách nới lỏng tiêu chuẩn cho vay, thiếu các điều kiện bảo đảm cần thiết…cũng làm cho nợ xấu gia tăng. Khe hở kỳ hạn cũng làm rủi ro tiềm ẩn lớn khi có NHTM huy động vốn ngắn hạn lên đến 80% trong khi cho vay trung, dài hạn lên tới 40% tổng dư nợ (nguyên nhân chủ yếu gây ra khủng hoảng kinh tế châu Á 1997-1998).

*Những khó khăn trong quá trình xử lý nợ xấu tại Việt Nam*

1. *Vấn đề về pháp lý dẫn đến khó khăn trong xử lý tài sản đảm bảo*: quy định về xử lý tài sản thế chấp hiện nay quá phức tạp, đặc biệt, khi tình hình kinh tế khó khăn thì các ngân hàng càng gặp khó khăn hơn trong khâu xử lý tài sản đảm bảo. Việc xử lý tài sản bảo đảm bị chậm ảnh hưởng rất lớn tới nợ xấu của ngân hàng như làm tăng chi phí hoạt động trong quá trình thu hồi nợ. Ngoài ra, rất nhiều các tài sản bảo đảm sẽ bị sụt giảm giá trị nghiêm trọng nếu việc phát mại bị dây dưa, như hàng hóa lưu kho, sau khi bán đã không đủ để bù đắp cho khoản vay và lãi phát sinh. Do đó, thời gian xử lý nợ quá chậm dẫn tới làm tăng tỷ lệ nợ xấu ngân hàng.
2. *Thị trường mua bán nợ của Việt Nam chưa phát triển:* th ị trường mua bán nợ của Việt Nam chưa phát triểnc tạp, đặc óng vai trò như một nhà môi giới và quản lý hộ nợ xấu của các TCTD. Việc bán nợ thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, phục vụ cho mục đích xử lý nợ xấu của các TCTD, nguyên nhân do: (i) DATC là đối tác mua nợ chính của các TCTD song tiềm lực tài chính còn hạn chế; (ii) Số lượng các tổ chức tham gia mua nợ xấu (như DATC) rất hạn chế, hầu như các Công ty AMC của TCTD chỉ hoạt động phục vụ cho chính TCTD đó với chức năng thu hồi nợ từ xử lý tài sản là chủ yếu; (iii) VAMC chưa tham gia mua đứt khoản nợ xấu theo cơ chế thị trường. Tuy nhiên, việc phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam đang rất khó, bởi người nước ngoài chưa được sở hữu bất động sản, trong khi tài sản đảm bảo của khoản nợ chủ yếu là bất động sản.
3. **Kiến nghị, đề xuất**

**5.1. Trong ngắn hạn**

*- Kích thích tổng cầu:* trong bối cảnh doanh nghiệp tư nhân thu hẹp đầu tư, dư địa chính sách tiền tệ đã cạn , Chính phủ phải đưa ra nhiều quyết sách như *tăng đầu tư công, giải phóng hàng tồn với giá thấp, kích cầu tiêu dùng nơi người dân* sẽ vừa giải quyết tồn kho, giải quyết công ăn việc làm, để góp phần khơi thông tăng trưởng tín dụng. Cùng đó, cần tiếp tục quyết liệt hướng dòng vốn vào các lĩnh vực ưu tiên như doanh nghiệpvừa và nhỏ, “tam nông”, công nghiệp phụ trợ, xuất khẩu.

*- Giải quyết nợ xấu:*

*+* Bên cạnh bán nợ cho VAMC, các NHTM cũng cần chủ động xử lý nợ xấu bằng các biện pháp như: xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ vay. Với các doanh nghiệp có lịch sử quản trị kinh doanh tốt, đang gặp khó khăn về nghĩa vụ trả nợ gốc do tình hình kinh tế khó khăn, do các dự án đầu tư đang triển khai chưa đi vào hoạt động… thì có thể chuyển một phần nợ gốc thành trái phiếu trung hạn; chuyển nợ quá hạn, nợ xấu thành cổ phần nếu nhận thấy sau tái cấu trúc doanh nghiệp có khả năng tồn tại và phát triển. Phương thức này không những cứu được doanh nghiệp khỏi nguy cơ giải thể phá sản mà còn bảo toàn được nguồn vốn của các NHTM.

+Bộ Tài chính và các bộ ngành cần sửa đổi các văn bản pháp lý liên quan nhằm giải quyết nhanh ách tắc từ việc xử lý tài sản bảo đảm; sửa đổi quy định về sở hữu bất động sản của người nước ngoài, giúp phát triển thị trường mua bán nợ Việt Nam.

+ Kiến nghị các Bộ Tư pháp, Tài nguyên môi trường, Xây dựng,NHNN xem xét mở rộng phạm vi bảo đảm của nhà ở hình thành trong tương lai cho các nghĩa vụ của khách hàng (hiện nay Thông tư liên tịch 01/2014/TTLT/BTP-TNMT-XD-NHNN ngày 25/04/2014 chỉ cho phép được thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai cho mục đích vay vốn để mua chính căn nhà đó hoặc nhà ở dự án).

- Để giúp đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản để thu hồi nợ xấu, đề nghị Chính phủ, Bộ ngành sớm tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho phép TCTD được toàn quyền chủ động trong xử lý tài sản bảo đảm để nhanh chóng xử lý nợ xấu vì Hiện nay để TCTD thực hiện được việc bán tài sản bảo đảm thu hồi nợ đòi hỏi có sự hợp tác của Bên bảo đảm (ký kết vào các giấy tờ chuyển nhượng tài sản). Trong trường hợp khách hàng không hợp tác thì TCTD không thực hiện được việc xử lý tài sản.

- Kiến nghị Bộ Tài chính và NHNN: Đối với trường hợp TCTD nhận gán nợ bằng tài sản bảo đảm là bất động sản để xử lý nợ và chưa chuyển quyền sử dụng đất/QSH tài sản sang tên TCTD, trong thời gian TCTD nắm giữ tài sản để bán, đề nghị cho phép theo dõi tại tài khoản riêng đối với dư nợ đã nhận gán nợ bằng tài sản đó để giảm trừ nợ xấu của TCTD và không tính lãi với khách hàng (Giá trị giảm trừ dư nợ tương ứng với giá trị tài sản gán nợ được định giá tại thời điểm bàn giao).Khách hàng vẫn có nghĩa vụ với TCTD cho đến khi TCTD hoàn thành việc bán tài sản.

* *Các biện pháp khác:* Chính phủ có thể tiếp tục sử dụng các chính sách tài khóa như hoãn, giảm các mức phí, thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn khó khăn này.

**5.2. Trong dài hạn**

***- Về phía Chính phủ và các Bộ, ngành***

+ Chính phủ cần coi giai đoạn khó khăn là cơ hội để thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Chính phủ cần có định hướng thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế hướng tới chiều sâu, giảm sự ảnh hưởng của yếu tố vốn bằng các chính sách như: khuyến khích doanh nghiệp cải tiến công nghệ, trang bị công nghệ mới phù hợp nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, nâng cao hiệu quả đầu tư công, giải quyết tốt mối quan hệ tích lũy và tiêu dùng….

+ Chính phủ cần xây dựng hành lang pháp lý, các chính sách kinh tế vĩ mô và vi mô, hoạt động quản lý nhà nước cần phải hỗ trợ doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm thiểu những tác động tiêu cực của thị trường. Chính phủ cần nghiên cứu xây dựng các giải pháp củng cố thị trường truyền thống và phát triển thị trường mới; Khai thác hiệu quả thị trường trong nước thông qua việc củng cố hệ thống phân phối, phát triển chuỗi cung ứng hàng hoá nhằm tạo nguồn cung bền vững và giảm chi phí qua đó giảm lượng hàng tồn kho, kích thích sản xuất của doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy tín dụng tăng cao; Chủ động, linh hoạt trong điều tiết cung cầu, bình ổn thị trường trong nước…

+ Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước phải phối hợp xây dựng hệ thống tài chính phát triển, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế bền vững. Trong đó, phải xây dựng thị trường chứng khoán, thị trường vốn dài hạn song hành với thị trường vốn ngắn hạn từ hệ thống ngân hàng góp phần đa dạng hóa các kênh huy động vốn của doanh nghiệp, giảm lệ thuộc vào tín dụng ngân hàng đồng thời phải ban hành các quy định cũng như các chế tài phù hợp để tránh tình trạng thông tin không minh bạch, lũng đoạn, làm giá, sử dụng thông tin nội bộ hay công bố thông tin không kịp thời…nhằm đảm bảo thị trường này phát triển ổn định.

- Tách riêng và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát hệ thống tài chính: cơ quan thanh tra, giám sát cần được tách riêng độc lập với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán; tăng cường sự phối hợp giám sát từ xa, thanh tra tại chỗ; xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống chỉ tiêu giám sát mới và quy trình giám sát, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giám sát; giám sát chặt chẽ xu hướng dịch chuyển dòng vốn trên thị trường tài chính và dịch chuyển lường đầu tư tín dụng sang lĩnh vực tiêu dùng, chứng khoán, bất động sản để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro…

***- Về phía các tổ chức tín dụng***

* *Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và kiểm soát dòng tiền của doanh nghiệp*. Các ngân hàng nên phát triển các sản phẩm tín dụng dựa trên các chuỗi liên kết sản xuất - thu mua - tiêu thụ các loại sản phẩm, như cho vay theo chuỗi của người nuôi, thu mua, chế biến thủy sản xuất khẩu (ví dụ cho vay DN chế biến xuất khẩu để trả tiền thu mua cá của dân…), cho vay liên kết giữa chủ đầu tư bất động sản (BĐS) với nhà thầu xây dựng, người cung cấp vật liệu xây dựng và người mua nhà…. Ưu điểm của loại sản phẩm tín dụng này là tạo ra một chu trình khép kín vốn tín dụng ngân hàng tham gia, tiết kiệm được nguồn vốn cho vay đối với một sản phẩm và bảo đảm tính an toàn của nguồn vốn tín dụng (dòng vốn tín dụng luôn luân chuyển trong hệ thống ngân hàng).
* *Áp dụng các thông lệ, chuẩn mực an toàn thế giới*: các ngân hàng cần nhanh chóng áp dụng các chuẩn mực an toàn BASEL II, tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán hay phân loại nợ của thế giới… Việc áp dụng các chuẩn mực an toàn BASEL II là cả quá trình với những yêu cầu về nguồn vốn, hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật cũng như nhân lực…Vì vậy các ngân hàng cần phải sắp xếp thứ tự thực hiện các chuẩn mực phù hợp với điều kiện cũng như mức độ quan trọng của các chuẩn mực (chẳng hạn thực hiện chuẩn mực vốn đề phòng rủi ro trước).
* ***Về phía doanh nghiệp***
* *Tăng khả năng hấp thụ vốn*: các doanh nghiệp cần phải tái cấu trúc về công nghệ, quản trị, nhân lực và động lực kinh doanh. Các doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, đầu tư công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Một trong những nguyên nhân gây ra nợ xấu cao trong thời gian qua là do các doanh nghiệp đầu tư ngoài ngành quá nhiều đặc biệt là bất động sản, chứng khoán… Vì vậy, các doanh nghiệp cần xác định ngành nghề mũi nhọn từ đó có sự đầu tư nghiêm túc theo chiều sâu sẽ làm giảm rủi ro phá sản.

## *Giảm bớt sự phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng*: Doanh nghiệp cần phải cân nhắc việc sử dụng đòn bẩy tài chính bao nhiêu và như thế nào để đảm bảo hiệu quả mà vẫn có khả năng chống chọi với các cú sốc. Để giảm bớt gánh nặng nợ nần, các doanh nghiệp cần phải biết tận dụng mọi nguồn vốn có thể với chi phí hợp lý. Ngay cả khi các điều kiện vay ngân hàng dễ dàng thì doanh nghiệp vẫn có thể huy động vốn từ người thân, từ cán bộ công nhân viên của chính doanh nghiệp hay bằng cách phát hành cổ phiếu, trái phiếu…